

Số: **08** /2020/TT-BCT

Hà Nội, ngày **08** tháng **04** năm **2020**

**THÔNG TƯ**

**Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa  
trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba**

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;*

*Thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba ký ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba.*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba (sau đây gọi là Hiệp định).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).
2. Thương nhân.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xuất xứ hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu theo Hiệp định.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuyển đổi nhóm* là việc nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất phải chuyển đổi mã HS ở cấp độ 4 số.

2. “*Chương*”, “*Nhóm*” và “*Phân nhóm*” là các Chương (2 số), Nhóm (4 số) và Phân nhóm (6 số) được sử dụng trong danh mục của Hệ thống Hải hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, trong Thông tư này được hiểu là “Hệ thống Hải hòa” hay “HS”.

3. *Trị giá CIF* là trị giá hàng hóa nhập khẩu đã bao gồm cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu của nước nhập khẩu. Trị giá này được tính theo Hiệp định Trị giá Hải quan.

4. “*Được phân loại*” là sự phân loại hàng hóa hoặc nguyên liệu theo Chương, Nhóm hay Phân nhóm cụ thể của Hệ thống Hải hòa.

5. *Cơ quan có thẩm quyền* là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý và giám sát thực thi các quy định của Hiệp định:

a) Tại Cuba, Bộ Công thương và Bộ Tài chính cùng phối hợp.

b) Tại Việt Nam, Bộ Công Thương.

6. *Cơ quan Hải quan* là cơ quan thực hiện theo luật pháp của mỗi nước, chịu trách nhiệm về quản lý và thực thi quy định và luật hải quan:

a) Tại Cuba, Tổng cục Hải quan.

b) Tại Việt Nam, Tổng cục Hải quan Việt Nam.

7. *Ngày* là ngày làm việc, không tính thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ.

8. *Trị giá FOB* là trị giá hàng hóa đã giao qua mạn tàu, bao gồm phí vận tải đến cảng hoặc địa điểm cuối cùng trước khi tàu chở hàng rời bến. Trị giá này được tính theo Hiệp định Trị giá Hải quan.

9. *Nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế lẫn nhau* là nguyên liệu có thể dùng thay thế lẫn nhau vì mục đích thương mại, có thuộc tính cơ bản giống nhau và không thể phân biệt bằng mắt thường.

10. *Hàng hóa* là nguyên liệu hoặc sản phẩm, có thể có xuất xứ thuần túy ngay cả khi được sử dụng làm nguyên liệu trong quá trình sản xuất hàng hóa khác.

11. *Hệ thống Hải hòa* là hệ thống tiêu chuẩn hóa quốc tế về tên và mã số cho việc phân loại hàng hóa thương mại. Hệ thống này được xây dựng và duy trì bởi Tổ chức Hải quan.

12. *Nguyên liệu trung gian* là nguyên liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất ra hàng hóa tiếp theo và có các đặc tính cho phép bán ra thị trường độc lập với hàng hóa cuối cùng.

13. *Nguyên liệu* là nguyên liệu thô, vật tư, nguyên liệu trung gian và linh kiện được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa.

14 *Vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để vận chuyển* là hàng hóa được sử dụng để bảo vệ một hàng hóa khác trong suốt quá trình vận chuyển mà không phải là vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ.

15. *Sản xuất* là phương pháp làm ra hàng hóa, bao gồm nhưng không giới hạn việc cấy, gây giống, chăn nuôi, khai thác, thu hoạch, đánh bắt, săn bắn, săn bắt, nuôi trồng thủy sản, thu lượm, sản xuất, gia công, lắp ráp hoặc tháo dỡ hàng hóa.

16. *Cơ quan, tổ chức cấp C/O* là cơ quan tổ chức thuộc hoặc không thuộc chính phủ, được cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

- a) Tại Cuba, Phòng Thương mại và Công nghiệp.
- b) Tại Việt Nam, các cơ quan, tổ chức được ủy quyền.

17. *Bộ hàng hóa* là sản phẩm được ghép thành bộ nhằm sử dụng theo mục đích nhất định, được đóng gói để bán lẻ và phân loại theo Quy tắc 3 của Hệ thống Hải hòa.

18. *Báo cáo xác minh xuất xứ* là văn bản do cơ quan Hải quan hoặc tổ chức cấp C/O thể hiện kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa.

#### **Điều 4. Quy định chứng nhận và kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục:

- a) Phụ lục I: Quy tắc cụ thể mặt hàng.
- b) Phụ lục II: Mẫu C/O mẫu VN-CU.
- c) Phụ lục III: Hướng dẫn kê khai C/O xuất khẩu mẫu VN-CU.

d) Phụ lục IV: Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu VN-CU của Việt Nam.

2. Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định tại Phụ lục II Thông tư này bao gồm các mặt hàng trong biểu thuế quy định tại Hiệp định.

3. Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu VN-CU của Việt Nam được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và được cập nhật tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ [www.ecosys.gov.vn](http://www.ecosys.gov.vn).

4. Quy trình chứng nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa và các quy định tại các Thông tư có liên quan.

## **CHƯƠNG II**

### **CÁCH XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA**

#### **Điều 5. Hàng hóa có xuất xứ**

Hàng hóa được coi là có xuất xứ nếu hàng hóa đó:

1. Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Nước thành viên đó.

2. Được sản xuất toàn bộ chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ tại lãnh thổ của Nước thành viên đó.

3. Được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện các nguyên liệu này trải qua quá trình sản xuất thực hiện hoàn toàn tại lãnh thổ của một Nước thành viên và hàng hóa được phân loại khác nhóm với nhóm của nguyên liệu.

4. Đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không thấp hơn X% trị giá FOB xuất khẩu của hàng hóa cuối cùng. Quy định tại khoản này được áp dụng trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều này do quá trình sản xuất không liên quan đến việc chuyển đổi nhóm đối với tất cả nguyên liệu không có xuất xứ.

5. Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một Nước thành viên từ nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện hàng hóa đáp ứng các tiêu chí cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Quy định tại khoản này được áp dụng trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

## **Điều 6. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hay nhiều Nước thành viên theo một trong các trường hợp sau:

1. Khoáng sản được chiết xuất tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
2. Sản phẩm từ cây trồng được thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
3. Động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
4. Sản phẩm thu được từ săn bắt, đánh bắt, thu hoạch, nuôi trồng thủy hải sản hoặc đánh bắt tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
5. Cá, động vật có vỏ và sinh vật biển khác lấy từ biển nằm ngoài lãnh thổ của các Nước thành viên bằng tàu thuộc sở hữu hoặc đăng ký bởi công ty đăng ký thành lập tại lãnh thổ của một Nước thành viên, với điều kiện tàu được đăng ký hoặc có ghi hồ sơ tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó.
6. Hàng hóa thu được hoặc sản xuất từ cá, động vật có vỏ và sinh vật biển khác trên tàu được sở hữu hoặc đăng ký bởi công ty đăng ký thành lập tại lãnh thổ của một Nước thành viên và được treo cờ của Nước thành viên đó.
7. Hàng hóa thu được từ một Nước thành viên hoặc từ cá nhân của một Nước thành viên từ đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài thềm lục địa của Nước thành viên đó, với điều kiện Nước thành viên hoặc cá nhân của Nước thành viên đó có quyền khai thác đáy biển hoặc dưới đáy biển.
8. Phế thải và phế liệu được loại ra trong quá trình sản xuất hoặc được thu gom tại lãnh thổ của một Nước thành viên, với điều kiện phế thải, phế liệu đó chỉ phù hợp làm nguyên liệu thô.
9. Hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một Nước thành viên từ hàng hóa được nêu tại các khoản từ 1 đến 8 Điều này hoặc từ các sản phẩm thu được từ chúng tại bất kỳ giai đoạn sản xuất nào.

## **Điều 7. Cộng gộp**

1. Nguyên liệu có xuất xứ tại lãnh thổ của một Nước thành viên được sử dụng để sản xuất một mặt hàng cụ thể tại lãnh thổ của Nước xuất khẩu được coi là có xuất xứ tại lãnh thổ của Nước xuất khẩu.
2. Khi các Nước thành viên có Hiệp định thương mại đang có hiệu lực với cùng một quốc gia không phải là Nước thành viên của Hiệp định này, nguyên

liệu của quốc gia đó được coi là hàng hóa có xuất xứ quy định theo Hiệp định này.

3. Khoản 2 Điều này chỉ được áp dụng khi các Nước thành viên thống nhất về cơ chế, thủ tục và nguyên liệu sử dụng để cộng gộp xuất xứ.

### **Điều 8. De Minimis**

Hàng hóa được coi là có xuất xứ nếu trị giá CIF của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất không đáp ứng được quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa không vượt quá 10% trị giá FOB của hàng hóa.

### **Điều 9. Nguyên liệu trung gian**

Để xác định xuất xứ của hàng hóa, đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này, nhà sản xuất có thể xem xét tổng giá trị của hàng hóa trung gian được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa có xuất xứ với điều kiện hàng hóa trung gian đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này.

### **Điều 10. Công đoạn gia công, chế biến đơn giản**

1. Các công đoạn gia công, chế biến mô tả dưới đây được coi là công đoạn gia công, chế biến đơn giản và không được xét đến khi xác định xuất xứ của hàng hóa:

a) Bảo đảm bảo quản hàng hóa trong điều kiện tốt phục vụ mục đích vận chuyển hoặc lưu kho.

b) Tạo điều kiện cho vận chuyển hoặc giao hàng.

c) Đóng gói hoặc trưng bày hàng hóa để bán.

2. Hàng hóa có xuất xứ tại lãnh thổ của một Nước thành viên giữ nguyên xuất xứ ban đầu khi được xuất khẩu từ một Nước thành viên khác trong trường hợp các công đoạn gia công, chế biến không vượt quá các công đoạn nêu tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 11. Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ**

1. Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ đi kèm với một mặt hàng được coi là một phần của hàng hóa khi được phát hành chung hóa đơn với hàng hóa và là một phần thông thường của hàng hóa. Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ không được xét đến trong việc xác định tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa.

2. Nếu hàng hóa được xác định xuất xứ theo tiêu chí RVC, trị giá của phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ theo quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét tương ứng là có hoặc không có xuất xứ khi tính RVC.

## **Điều 12. Bộ hàng hóa**

1. Bộ hàng hóa theo định nghĩa tại Quy tắc 3 của Các Quy tắc chung trong Hệ thống Hải hòa và hàng hóa được mô tả trong Hệ thống Hải hòa là một bộ hàng hóa, được xem là có xuất xứ khi tất cả hàng hóa cấu thành có xuất xứ.

2. Trường hợp một bộ hàng hóa gồm hàng hóa có xuất xứ và hàng hóa không có xuất xứ, bộ hàng hóa đó được coi là có xuất xứ nếu như trị giá CIF của hàng hóa không có xuất xứ không vượt quá 15% trị giá FOB của bộ hàng hóa.

## **Điều 13. Vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để bán lẻ**

1. Trường hợp hàng hóa được xác định có xuất xứ theo tiêu chí RVC, trị giá của vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để bán lẻ được tính đến khi xác định xuất xứ, bởi vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để bán lẻ được coi là thành phần cấu thành nên toàn bộ hàng hóa.

2. Trường hợp hàng hóa được xác định có xuất xứ theo tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa, vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để bán lẻ khi được phân loại cùng với hàng hóa đã đóng gói không cần đáp ứng tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa.

## **Điều 14. Vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để vận chuyển**

Vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để vận chuyển không được tính đến khi xác định xuất xứ hàng hóa.

## **Điều 15. Yếu tố trung gian và nguyên liệu gián tiếp dùng trong sản xuất**

Các yếu tố, nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất và liệt kê dưới đây không được tính đến trong quá trình xác định xuất xứ:

1. Nhiên liệu và năng lượng.
2. Dụng cụ, khuôn đúc và khuôn. Phụ tùng và vật tư sử dụng để bảo hành máy móc, thiết bị và công trình.
3. Chất bôi trơn, mỡ bôi trơn, vật liệu kết hợp và các vật liệu khác được sử dụng trong sản xuất hoặc được sử dụng để vận hành thiết bị và công trình.
4. Găng tay, kính, giày dép, quần áo, thiết bị và vật tư an toàn.
5. Trang thiết bị và vật tư sử dụng để kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa.

6. Chất xúc tác và dung môi.

7. Bất kỳ vật liệu nào khác không cấu thành hoặc không được cấu thành thành phẩm cuối cùng của hàng hóa và có thể chứng minh là một phần của quá trình sản xuất.

### **Điều 16. Nguyên liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau**

1. Việc xác định xuất xứ nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế lẫn nhau được thực hiện bằng cách tách riêng từng vật liệu hoặc bằng cách sử dụng các nguyên tắc kế toán kho, hoặc thông lệ quản lý kho của Nước xuất khẩu.

2. Khi đã có quyết định về phương pháp quản lý kho, phương pháp đó sẽ được sử dụng xuyên suốt năm tài chính.

### **Điều 17. Vận chuyển trực tiếp**

1. Hàng hóa có xuất xứ được coi là vận chuyển trực tiếp từ Nước xuất khẩu sang Nước nhập khẩu theo một trong các trường hợp:

a) Hàng hóa được vận chuyển không đi qua lãnh thổ của một Nước không phải là thành viên.

b) Hàng hóa được vận chuyển với mục đích quá cảnh qua một Nước không phải là thành viên bao gồm hoặc không bao gồm chuyển tải hoặc lưu kho tạm thời tại Nước đó, với các điều kiện sau:

- Việc quá cảnh vì lý do địa lý, giao nhận hoặc yêu cầu về vận tải.

- Hàng hóa không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại lãnh thổ của Nước không phải là thành viên.

- Hàng hóa không trải qua công đoạn sản xuất hoặc gia công chế biến khác tại lãnh thổ của Nước không phải là thành viên, ngoại trừ việc dỡ hàng, bốc lại hàng và chia tách lô hàng hay công đoạn cần thiết khác nhằm bảo quản hàng hóa trong tình trạng tốt.

2. Trong trường hợp hàng hóa có xuất xứ của Nước xuất khẩu được nhập khẩu qua một hoặc nhiều Nước không phải là thành viên hoặc sau khi triển lãm tại một Nước không phải là thành viên, cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu có thể yêu cầu nhà nhập khẩu nộp chứng từ chứng minh như chứng từ vận tải, chứng từ hải quan hoặc các chứng từ khác.

### **Điều 18. Hàng hóa gửi kho ngoại quan**

1. Hàng hóa có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa vẫn giữ nguyên xuất xứ ban đầu nếu trong quá trình vận chuyển gửi ở kho ngoại quan của Nước thứ ba, không tham gia vào công đoạn gia công nào khác ngoại trừ các công đoạn



lưu kho, bảo quản hàng hoá, chia nhỏ lô hàng để vận chuyển tới Nước thành viên và nằm dưới sự giám sát của cơ quan hải quan.

2. Cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu có thể yêu cầu văn bản xác nhận rằng hàng hóa không trải qua sự thay đổi nào.

### **Điều 19. Hàng hóa triển lãm**

Hàng hóa có xuất xứ được vận chuyển từ một Nước thành viên tới một Nước thứ ba để triển lãm hoặc trưng bày và bán sau hoặc trong khi triển lãm rồi nhập khẩu vào một Nước thành viên khác, được hưởng ưu đãi thuế quan khi đáp ứng quy định tại Thông tư này và kèm theo chứng từ hải quan chứng minh việc trưng bày hoặc triển lãm hàng hóa.

## **CHƯƠNG III**

### **QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM TRA XUẤT XỨ HÀNG HÓA**

#### **Điều 20. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

1. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa là văn bản duy nhất chứng nhận hàng hóa đáp ứng quy định về xuất xứ hàng hóa tại Thông tư này và được dùng để đề nghị được hưởng thuế quan ưu đãi theo Hiệp định.

2. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Một Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp cho một lô hàng.

#### **Điều 21. Hiệu lực của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

1. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải được cấp trong vòng ba ngày kể từ ngày xuất khẩu theo quy định tại Điều 20 và có hiệu lực một năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa không có giá trị khi các thông tin khai báo không được khai báo đầy đủ, hợp lệ.

2. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải có tên, chữ ký và con dấu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa không được cấp trước, nhưng được cấp cùng ngày hoặc sau ngày phát hành hóa đơn thương mại.

#### **Điều 22. Lưu trữ hồ sơ**

Cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu VN-CU và thương nhân phải lưu trữ hồ sơ, chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa, Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

trong thời hạn ít nhất 5 năm kể từ ngày cấp bằng văn bản hoặc điện tử theo quy định pháp luật của Việt Nam.

### **Điều 23. Hóa đơn Nước thứ ba**

Trường hợp hàng hóa có xuất xứ mà hóa đơn thương mại do nhà xuất khẩu được đăng ký tại Nước thứ ba phát hành, Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải khai báo “Non-party invoicing”.

### **Điều 24: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, nhà xuất khẩu đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải nộp tài liệu chứng minh xuất xứ và tuân thủ các quy định của Thông tư này.

### **Điều 25: Bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

Bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải có đơn đề nghị của nhà xuất khẩu và chứng từ chứng minh việc đáp ứng đầy đủ quy định của Thông tư này và quy định liên quan.

### **Điều 26: Từ chối cho hưởng ưu đãi**

Nước nhập khẩu có thể từ chối cho hưởng ưu đãi trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng định và thời hạn tại Thông tư này.

### **Điều 27. Chỉnh sửa C/O đã cấp**

C/O đã cấp không được phép tẩy xóa hay viết thêm. Mọi thay đổi phải được thực hiện bằng cách:

1. Gạch bỏ chỗ sai và bổ sung thông tin cần thiết. Các thay đổi này phải được người có thẩm quyền ký C/O chấp thuận và được cơ quan, tổ chức cấp C/O xác nhận. Phần còn trống phải được gạch chéo để tránh điền thêm.

2. Phát hành C/O mới thay thế C/O sai sót ban đầu. C/O mới có số tham chiếu và ngày cấp của C/O ban đầu. C/O mới phải ghi rõ “replaces C/O No... date of issue...”. C/O mới có hiệu lực từ ngày cấp của C/O ban đầu.

### **Điều 28. Cấp bản sao chứng thực C/O**

Trong trường hợp C/O bị mất cắp, thất lạc hoặc hư hỏng, Nước xuất khẩu có thể đề nghị cơ quan, tổ chức cấp C/O cấp lại một bản sao chứng thực. Bản sao ghi rõ “CERTIFIED TRUE COPY”. Bản sao có ngày cấp của C/O gốc và có hiệu lực một năm từ ngày cấp C/O gốc.

## **Điều 29. Kiểm tra, xác minh xuất xứ và cho hưởng ưu đãi thuế quan**

1. Ngoài việc yêu cầu xuất trình Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư này, cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu được phép yêu cầu thông tin từ cơ quan có thẩm quyền của Nước xuất khẩu với mục đích xác minh xuất xứ của hàng hóa. Nước nhập khẩu có quyền từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan trong trường hợp không nhận được thông báo đề nghị xác minh xuất xứ của cơ quan hải quan Nước xuất khẩu về việc đã nhận được đề nghị xác minh xuất xứ trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát hành thông báo đề nghị xác minh xuất xứ. Nước xuất khẩu phản hồi kết quả xác minh xuất xứ trong vòng 180 ngày kể từ ngày thông báo đã nhận được đề nghị xác minh xuất xứ.

2. Thông báo đề nghị xác minh xuất xứ của cơ quan hải quan Nước nhập khẩu bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên của cơ quan yêu cầu xác minh xuất xứ.
- b) Số tham chiếu và ngày cấp C/O hoặc số lượng C/O được cấp cho nhà xuất khẩu trong một khoảng thời gian nhất định.
- c) Mô tả về yêu cầu xác minh xuất xứ.
- d) Lý do yêu cầu.

3. Trong trường hợp thông tin thu được từ quá trình xác minh hồ sơ nêu tại khoản 1 và 2 Điều này không đủ căn cứ để xác minh xuất xứ hàng hóa, cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu, thông qua cơ quan có thẩm quyền của Nước xuất khẩu đưa ra:

- a) Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin từ nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất.
- b) Bảng câu hỏi cho nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất.
- c) Đề nghị xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất thuộc vùng lãnh thổ của mỗi Bên, với mục đích kiểm tra tài liệu bổ sung hoặc xác minh cơ sở phục vụ quá trình sản xuất hàng hóa, trong trường hợp thông tin thu được là kết quả của các điểm a và điểm b khoản 3 Điều này là không đầy đủ.
- d) Các thủ tục khác theo thỏa thuận của hai Bên.

4. Cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu thông báo yêu cầu xác minh xuất xứ tới nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất và cơ quan có thẩm quyền của Nước xuất khẩu theo khoản 3 Điều này. Thông báo được gửi bằng email hoặc bất kỳ phương tiện nào khác; bên nhận được thông báo sẽ gửi xác nhận về việc đã nhận được đề nghị xác minh xuất xứ.

5. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin hoặc bảng câu hỏi nêu tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên của cơ quan yêu cầu thông tin.
- b) Tên nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu và nhà sản xuất được yêu cầu xác minh.
- c) Mô tả thông tin và tài liệu yêu cầu.
- d) Lý do đề nghị xác minh xuất xứ hoặc bảng câu hỏi.

6. Nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất nhận được bảng câu hỏi hoặc văn bản yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này phải hoàn thành và gửi lại bảng câu hỏi hoặc câu trả lời xác minh xuất xứ trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản.

7. Đề nghị xác minh xuất xứ tại điểm c khoản 3 Điều này bao gồm các thông tin như sau:

- a) Tên cơ quan hải quan đề nghị xác minh xuất xứ.
- b) Tên của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất được đề nghị xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất.
- c) Ngày dự kiến và địa điểm đề nghị xác minh xuất xứ theo quy định tại khoản 8 Điều này.
- d) Mục đích và phạm vi xác minh xuất xứ, trong đó nêu cụ thể hàng hóa được yêu cầu xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất.
- đ) Tên và chức danh của cán bộ xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất.
- e) Lý do đề nghị xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất.

8. Cơ quan có thẩm quyền của Nước xuất khẩu trả lời cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu về việc chấp thuận xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu. Việc xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất có thể tiến hành sau 60 ngày kể từ ngày được chấp thuận.

9. Nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có thể đề nghị bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền của Nước xuất khẩu và Nước nhập khẩu để tạm hoãn việc xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất bằng các lý do thuyết phục. Thời gian tạm hoãn không vượt quá 30 ngày kể từ ngày đã thống nhất hoặc thời gian dài hơn trong trường hợp được cơ quan hải quan Nước nhập khẩu và Nước xuất khẩu chấp thuận. Cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu thông báo thời gian mới sẽ tiến hành xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hóa.

10. Khi kết thúc xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất, cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu dự thảo biên bản xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất bao gồm dữ kiện và kết quả xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất. Biên bản xác minh xuất xứ được ký bởi cơ quan có thẩm quyền của Nước nhập khẩu, nhà xuất khẩu và nhà sản xuất.

11. Quy trình xác minh xuất xứ hoàn thiện khi cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu báo cáo kết luận về xuất xứ hàng hóa sau khi xác minh xuất xứ theo quy định tại Điều này, trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông tin hoặc hoàn thành xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất.

12. Báo cáo xác minh xuất xứ bao gồm các dữ kiện, phát hiện, căn cứ pháp lý xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất và được thông báo cho nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất về việc hàng hóa có xuất xứ hay không.

13. Hàng hóa thuộc diện xác minh xuất xứ được hưởng ưu đãi thuế quan trong trường hợp:

a) Thời hạn nêu tại khoản 11 Điều này kết thúc mà không có báo cáo xác minh xuất xứ do cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu cung cấp; hoặc

b) Nước nhập khẩu không tuân thủ thời hạn quy định tại Điều này.

14. Trong trường hợp cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu có bằng chứng nghi ngờ hợp lý về xuất xứ hàng hóa của một lô hàng, cơ quan hải quan có thể tạm dừng cho hưởng ưu đãi thuế quan đối với lô hàng thuộc diện nghi ngờ đó. Hàng hóa được phép thông quan theo quy định của Nước nhập khẩu. Bên phát hiện nghi ngờ thông báo và tham khảo ý kiến Bên còn lại để đạt được một giải pháp chung đảm bảo lợi ích tài chính.

### **Điều 30. Trách nhiệm của nhà xuất khẩu**

1. Khi nhà xuất khẩu có lý do tin rằng C/O có thông tin không chính xác, nhà xuất khẩu cần thông báo ngay lập tức bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức cấp C/O những nội dung có thể ảnh hưởng tới tính chính xác hoặc hiệu lực của C/O đó.

2. Nhà xuất khẩu không bị phạt vì cung cấp thông tin không chính xác trong trường hợp tự nguyện thông báo bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền, trước khi cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu cho hưởng ưu đãi thuế quan hoặc kiểm tra, xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất.

### **Điều 31. Trách nhiệm của nhà nhập khẩu**

Cơ quan hải quan của mỗi Bên sẽ yêu cầu nhà nhập khẩu khi đề nghị hưởng ưu đãi thuế quan cho hàng hóa phải:

1. Khai báo bằng văn bản trong hồ sơ nhập khẩu theo quy định của pháp luật dựa trên Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa rằng hàng hóa có xuất xứ.

2. Nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm khai báo theo quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp pháp luật Nước nhập khẩu quy định.

3. Nộp ngay tờ khai đã chỉnh sửa và nộp thuế chênh lệch khi nhà nhập khẩu có lý do để tin rằng thông tin khai báo tại tờ khai nhập khẩu dựa trên Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa là thông tin không chính xác.

### **Điều 32: Hoàn thuế**

Trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ nhưng không được hưởng ưu đãi thuế quan tại thời điểm nhập khẩu, nhà nhập khẩu có thể căn cứ quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, xin hoàn lại khoản thuế đã nộp cho cơ quan hải quan của Nước nhập khẩu, khi cung cấp:

1. Văn bản khai báo rằng hàng hóa đáp ứng xuất xứ tại thời điểm nhập khẩu.

2. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

3. Tài liệu khác liên quan tới việc nhập khẩu hàng hóa theo yêu cầu của Nước nhập khẩu.

### **Điều 33. Các khác biệt nhỏ trên C/O**

1. Cơ quan hải quan Nước nhập khẩu không xem xét những lỗi nhỏ như sai lệch nhỏ hoặc thiếu sót, lỗi đánh máy hoặc thông tin khai báo tràn ra bên ngoài ô khai báo, với điều kiện các lỗi nhỏ đó không ảnh hưởng đến tính xác thực của C/O, tính chính xác của thông tin cung cấp trên C/O hoặc không ảnh hưởng đến tình trạng xuất xứ của hàng hóa được chứng nhận.

2. Đối với C/O kê khai nhiều hàng hóa, vướng mắc của một trong các hàng hóa được liệt kê không ảnh hưởng hoặc làm chậm việc cho hưởng ưu đãi thuế quan của các hàng hóa còn lại trên C/O.

### **Điều 34. Bảo mật**

Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, theo quy định pháp luật, giữ bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định tại Thông tư này. Thông tin không được tiết lộ khi không được phép của cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

## CHƯƠNG IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 35: Cấp C/O cho hàng hóa xuất khẩu trước ngày Thông tư có hiệu lực**

Cơ quan, tổ chức cấp C/O xem xét cấp C/O mẫu VN-CU cho hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu trước ngày Thông tư này có hiệu lực để được hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định của Hiệp định và theo quy định của Nước nhập khẩu.

#### **Điều 36. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Các nội dung hướng dẫn, thống nhất cách hiểu liên quan đến việc thực thi Quy tắc xuất xứ hàng hóa được hai Nước thành viên thống nhất luân phiên tại báo cáo các phiên họp của Ủy ban Quy tắc xuất xứ và Ủy ban hỗn hợp trong khuôn khổ thực thi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba là căn cứ để các cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan hải quan thực hiện.

2. Các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này được thông báo đến các cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan hải quan thông qua cơ quan đầu mối của Ủy ban Quy tắc xuất xứ và Ủy ban hỗn hợp thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2020./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện KSND tối cao, Toà án ND tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- BQL các KCN và CX Hà Nội;
- Sở Công Thương Hải Phòng;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng; các Thứ trưởng;
- các Tổng Cục, Cục, Vụ thuộc Bộ; các Phòng QLXNKKV (19);
- Lưu: VT, XNK (5).

**BỘ TRƯỞNG**



**Trần Tuấn Anh**